

CHI CỤC AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM	
Số: 283	ngày 15/10/20018
CHUYÊN	
Lãnh đạo CC	
Phòng: Quản lý Chất lượng	
Sao: Lưu hồ sơ	

Mẫu số 01

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: CK06/ STF/ 2018

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: **CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM SANTA**

Địa chỉ: Khu công nghiệp Minh Đức, xã Minh Đức, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên

Điện thoại: +84 221 3 94 88 18

Fax: +84 221 3 94 88 18

Email: customercare@santa.com.vn

Website: santa.com.vn

Hotline: + 0246 6666 076

Mã số doanh nghiệp: 0107 467 527

Số giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: 000478/ 2017/ ATTP- CNĐK- Ngày cấp: 26/5/2017- Nơi cấp: Cục An Toàn Thực Phẩm

II. Thông tin về sản phẩm

1. Sản phẩm: Gourmet – Butter Cookies/ Gourmet - Bánh quy bơ

Thành phần: Bột mì, dầu thực vật (cọ), đường, sữa bột nguyên kem, bơ (12 %), trứng, nho khô, hương thực phẩm tổng hợp, chất tạo xốp (503(ii), 500(ii)).

Thông tin dị ứng: Có chứa bột mỳ, sữa, trứng và đậu nành. Được sản xuất trên cùng thiết bị sản xuất bánh biscuit chứa các loại hạt.

2. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 18 tháng (kể từ ngày sản xuất), sử dụng trực tiếp, bảo quản sản phẩm ở nơi khô, thoáng mát, đảm bảo vệ sinh và tránh ánh nắng trực tiếp.

3. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì: Được đóng gói bởi hộp thiếc, bên trong bánh được đựng trong các cốc giấy nhỏ, và được đóng kín. Bao bì đạt chất lượng an toàn vệ sinh thực phẩm theo qui định của Bộ Y Tế.

Khối lượng tịnh: 454 g/ hộp, 681 g/ hộp

Mẫu nhãn sản phẩm (Đính kèm nhãn sản phẩm)



III. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- Quyết định số 46/2007/QĐ-BYT ngày 19 tháng 12 năm 2007 của Bộ Y tế quy định ô nhiễm tối đa sinh học và hóa học trong thực phẩm.
- Nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định về nhãn hàng hóa.
- Văn bản hợp nhất số 02/VBHN-BYT ngày 15 tháng 06 năm 2015 của Bộ Y tế về hướng dẫn việc quản lý phụ gia thực phẩm.
- QCVN 8-1:2011/BYT ngày 13/01/2011 của Bộ Y tế “Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm”.
- QCVN 8-2:2011/BYT ngày 13/01/2011 của Bộ Y tế “Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm”.
- QCVN 8-3: 2012/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố.

Hung Yên, ngày 5 tháng 10 năm 2018

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN
TỔNG GIÁM ĐỐC



TỔNG GIÁM ĐỐC

Ngô Hồng Thái



SỔ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TỈNH HƯNG YÊN	NHÓM SẢN PHẨM	Số: CK06/ STF/ 2018
CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM SANTA	Gourmet – Butter Cookies/ Gourmet - Bánh quy bơ	Có hiệu lực từ Ngày ... tháng ... năm 2018

BẢN THÔNG TIN CHI TIẾT VỀ SẢN PHẨM

1. Yêu cầu kỹ thuật

1.1. Các chỉ tiêu cảm quan:

- + Trạng thái: Dạng hình tròn, hình hoa, hình chữ nhật, hình sò.
- + Màu sắc: Vỏ bánh màu vàng đến nâu đặc trưng.
- + Mùi: Thơm mùi thơm đặc trưng, không có mùi mốc, mùi lạ.
- + Vị: Ngọt, béo đặc trưng, không có vị lạ.
- + Tạp chất: Không có tạp chất.

1.2. Các chỉ tiêu vi sinh vật: Theo quyết định số 46/2007/QĐ – BYT của Bộ Trưởng Bộ Y Tế ngày 19/12/2007

STT	TÊN CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	MỨC TỐI ĐA
1	Tổng số vi khuẩn hiếu khí	CFU/g	10 ⁴
2	E.Coli	MPN/g	3
3	Coliforms	CFU/g	10
4	Staphylococcus aureus	CFU/g	10
5	Bacillus cereus	CFU/g	10
6	Clostridium perfringens	CFU/g	10
7	Tổng số TB nấm men – nấm mốc	CFU/g	10 ²
8	Samonella	CFU/25g	Không phát hiện

1.3. Hàm lượng kim loại nặng: Theo QCVN 8-2: 2011/BYT.

STT	TÊN CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	MỨC TỐI ĐA
1	Pb	mg/kg	0,2
2	Cd	mg/kg	0,1



1.4. Hàm lượng hóa chất không mong muốn: Theo QCVN 8-1: 2011/BYT

STT	TÊN CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	MỨC TỐI ĐA
1	Hàm lượng Aflatoxin B1	µg/kg	2
2	Hàm lượng Aflatoxin tổng số (B1B2G1G2)	µg/kg	4
3	Hàm lượng Ochratoxin A	µg/kg	3
4	Hàm lượng Zearalenone	µg/kg	50
5	Hàm lượng Deoxynivalenol (DON)	µg/kg	500

Hưng Yên, ngày 5 tháng 10 năm 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM SANTA

TỔNG GIÁM ĐỐC *nv*



NGÔ HỒNG THÁI





SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TP. HỒ CHÍ MINH

TRUNG TÂM DỊCH VỤ PHÂN TÍCH THÍ NGHIỆM TP. HỒ CHÍ MINH

CENTER OF ANALYTICAL SERVICES AND EXPERIMENTATION HCMC

BẢN SAO
COPY

Mã số mẫu/ Sample Code
BN18081489
MM18085183

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

BMNM 02/3 – LBH 03
Ngày/Date : 06/09/2018

Tên khách hàng/ Customer : CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM SANTA
Địa chỉ/ Address : KHU CÔNG NGHIỆP MINH ĐỨC - XÃ MINH ĐỨC - HUYỆN MỸ HẠO - TỈNH HƯNG YÊN
Tên mẫu/ Name of sample : MERRY_BÁNH QUY BƠ
Số lượng/ Quantity : 1
Tình trạng mẫu/ Sample description : Mẫu đựng trong bao nylon hàn kín.
Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 27/08/2018
Ngày hẹn trả KH/ Date of issue : 04/09/2018

STT/ No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Đơn vị tính/ Unit	Kết quả/ Result	Phương pháp/ Test method
1	Bacillus cereus	CFU/g	< 10	ISO 7932:2004 (*)
2	Clostridium perfringens	CFU/g	< 10	ISO 7937:2004 (*)
3	Coliforms	CFU/g	< 10	ISO 4832:2006 (*)
4	Escherichia coli	/g	Không phát hiện	ISO 16649-3:2015 (*)
5	Salmonella	/25g	Không phát hiện	TCVN 8342:2010 (*)
6	Staphylococcus aureus	/g	Không phát hiện	ISO 6888-3:2003 (*)
7	Tổng số nấm men, nấm mốc	CFU/g	< 10	ISO 21527-2:2008 (*)
8	Tổng số vi khuẩn hiếu khí (TPC)	CFU/g	< 10	ISO 4833-1:2013 (*)

(*) Phương pháp được VILAS công nhận / Method is accredited by VILAS

(**) Kết quả được thực hiện bởi nhà thầu phụ / Subcontracted test.

Theo phương pháp thử, kết quả được biểu thị nhỏ hơn 10 CFU/g hoặc nhỏ hơn 10 CFU/ml khi không có khuẩn lạc mọc trên đĩa.
According to the test method, the result is expressed as less than 10 CFU/g or less than 10 CFU/ml when the dish contains no colony.

Phụ trách phòng thử nghiệm/
Officer in charge of laboratory

TL.GIÁM ĐỐC/ PP.DIRECTOR
TRƯỞNG PHÒNG/ HEAD OF DIVISION

Th.S. Huỳnh Yên Hà

CÔNG CHỨNG VẤN
Nguyễn Tiến Vinh

Trương Huỳnh Anh Vũ

1/ Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu khách hàng / Information of sample is written as customer's request.

2/ Không được sao chép kết quả này, 1 phần hay toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám Đốc Trung Tâm Dịch Vụ Phân Tích Thí Nghiệm TP.HCM

This above result shall not reproduced, partly or fully, unless written approval of Director of CASE

3/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử / This testing result is only valid on tested sample.

TRU SỞ CHÍNH

191 02 Nguyễn Văn Thủ, P. Đa Kao, Q. 1, TP. HCM

☎ 18001105

☎ (84.28) 3911 7216

✉ casehcm@case.vn

CN CẦN THƠ

191 F2.67 - F2.68, Đường số 6, KDC 586, P. Phú Thứ, Cái Răng, Cần Thơ

☎ (84.292) 3918216 - 217 - 218

☎ (84.292) 3918219

✉ support@case.com.vn

VP ĐẠI DIỆN MIỀN TRUNG

191 STH2718, Đường 8E, KĐT Lê Hồng Phong II, P. Phước Hải, Nha Trang, Khánh Hòa

☎ (84.258) 246 5255

☎ (84.258) 246 5355

✉ vanphongmien trung@case.vn



SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM DỊCH VỤ PHÂN TÍCH THÍ NGHIỆM TP. HỒ CHÍ MINH
CENTER OF ANALYTICAL SERVICES AND EXPERIMENTATION HCMC



**BẢN SAO
COPY**

Mã số mẫu/ Sample Code BN18081489 MM18085183	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM <i>TEST REPORT</i>	BMNM 02/3 – LBH 03 Ngày/Date : 06/09/2018
--	---	--

Tên khách hàng/ Customer : **CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM SANTA**
Địa chỉ/ Address : **KHU CÔNG NGHIỆP MINH ĐỨC - XÃ MINH ĐỨC - HUYỆN MỸ HẠO - TỈNH HƯNG YÊN**
Tên mẫu/ Name of sample : **MERRY_BÁNH QUY BƠ**
Số lượng/ Quantity : **1**
Tình trạng mẫu/ Sample description : **Mẫu đựng trong bao nylon hàn kín.**
Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : **27/08/2018**
Ngày hẹn trả KH/ Date of issue : **04/09/2018**

STT/ No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Đơn vị tính/ Unit	Kết quả/ Result	Phương pháp/ Test method
1	Cd	mg/Kg	Không phát hiện, MDL = 0,02	CASE.TN.0018 (Ref. AOAC 999.11)(*)
2	Pb	mg/Kg	Không phát hiện, MDL = 0,02	CASE.TN.0018 (Ref. AOAC 999.11)(*)

(*) Phương pháp được VILAS công nhận / Method is accredited by VILAS

(**) Kết quả được thực hiện bởi nhà thầu phụ / Subcontracted test

MDL - Ngưỡng phát hiện của phương pháp / Method Detection Limit.

Phụ trách phòng thử nghiệm/
Officer in charge of laboratory

TL.GIÁM ĐỐC/ PP.DIRECTOR
TRƯỞNG PHÒNG/ HEAD OF DIVISION

Th.S. Nguyễn Thành Duy



Trương Huỳnh Anh Vũ

CÔNG CHỨNG VIÊN

Nguyễn Tiến Vinh

1/ Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu khách hàng/ Information of sample is written as customer's request.
2/ Không được sao chép kết quả này, 1 phần hay toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám Đốc Trung Tâm Dịch Vụ Phân Tích Thí Nghiệm TP-HCM
This above result shall not reproduced, partly or fully, unless written approval of Director of CASE
3/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/ This testing result is only valid on tested sample

TRỤ SỞ CHÍNH
(9) 02 Nguyễn Văn Thủ, P. Đa Kao, Q.1, TP. HCM
(T) 18001105
(S) (84 28) 3911 7216
(E) casehcm@case.vn

CN CÁN THỢ
(9) F2.67 - F2.68, Đường số 6, KDC 586, P. Phú Thứ, Cái Răng, Cần Thơ
(T) (84.292) 3918216 - 217 - 218
(S) (84.292) 3918219
(E) support@case.com.vn

VP ĐẠI DIỆN MIỀN TRUNG
(9) STH2718, Đường BE, KĐT Lê Hồng Phong II, P. Phước Hải, Nha Trang, Khánh H
(T) (84.258) 246 5255
(S) (84.258) 246 5355
(E) vanphongmienntrung@case.vn



SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM DỊCH VỤ PHÂN TÍCH THÍ NGHIỆM TP. HỒ CHÍ MINH
CENTER OF ANALYTICAL SERVICES AND EXPERIMENTATION HCMC

**BẢN SAO
COPY**



Mã số mẫu/ Sample Code BN18081489 MM18085183	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	.BMNM 02/3 – LBH 03 Ngày/Date : 06/09/2018
--	---	---

Tên khách hàng/ Customer : **CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM SANTA**
Địa chỉ/ Address : **KHU CÔNG NGHIỆP MINH ĐỨC - XÃ MINH ĐỨC - HUYỆN MỸ HẠO - TỈNH HUNG YÊN**
Tên mẫu/ Name of sample : **MERRY_BÁNH QUY BƠ**
Số lượng/ Quantity : **1**
Tình trạng mẫu/ Sample description : **Mẫu đựng trong bao nylon hàn kín.**
Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : **27/08/2018**
Ngày hẹn trả KH/ Date of issue : **04/09/2018**

STT/ No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Đơn vị tính/ Unit	Kết quả/ Result	Phương pháp/ Test method
1	Tro không tan / HCl 10%	%	Không phát hiện, MDL = 0,01	CASE.TN.0096 (Ref. TCVN 4071:2009)
2	Chỉ số acid	mg KOH/g chất béo	0,491	TCVN 6127:2010 (ISO 660:2009) (*)
3	Chỉ số peroxide	meq/kg chất béo	0,461	TCVN 6121:2010 (ISO 3960:2007) (*)
4	Độ ẩm	%	2,37	CASE.NS.0007 (FAO 14/7 p.205, 1986) (*)

(*) Phương pháp được VILAS công nhận / Method is accredited by VILAS

(**) Kết quả được thực hiện bởi nhà thầu phụ / Subcontracted test

MDL - Ngưỡng phát hiện của phương pháp / Method Detection Limit

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Ngày: 05-10-2018

Số chứng thực: 0658... Quyền số: 3... SCT/BS

**Phụ trách phòng thử nghiệm/
Officer in charge of laboratory**

Th.S. Nguyễn Thành Duy



Th.S. Nguyễn Thành Duy

**TL.GIÁM ĐỐC/ PP.DIRECTOR
TRƯỞNG PHÒNG/ HEAD OF DIVISION**



CÔNG CHỨNG VIÊN

Trương Huỳnh Anh Vũ

1/ Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu khách hàng / Information of sample is written as customer's request

2/ Không được sao chép kết quả này, 1 phần hay toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám đốc trung tâm Dịch vụ Phân tích Thí nghiệm TP.HCM

This above result shall not reproduced, partly or fully, unless written approval of Director of CASE.

3/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử / This testing result is only valid on tested sample.

TRU SỞ CHÍNH
(01) 02 Nguyễn Văn Thủ, P. Đa Kao, Q. 1, TP. HCM
(01) 18001105
(01) (84.28) 3911 7216
(01) casehcm@case.vn

CN CẦN THƠ
(01) F267 - F268, Đường số 6, KDC 586, P. Phú Thứ, Cái Răng, Cần Thơ
(01) (84.292) 3918216 - 217 - 218
(01) (84.292) 3918219
(01) support@case.com.vn

VP ĐẠI DIỆN MIỀN TRUNG
(01) STH2718, Đường 8E, KĐT Lê Hồng Phong II, P. Phước Hải, Nha Trang, Khánh H
(01) (84.258) 246 5255
(01) (84.258) 246 5355
(01) vanphongmientrung@case.vn



SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TP. HỒ CHÍ MINH

TRUNG TÂM DỊCH VỤ PHÂN TÍCH THÍ NGHIỆM TP. HỒ CHÍ MINH

CENTER OF ANALYTICAL SERVICES AND EXPERIMENTATION HCMC

BẢN SAO
COPY

Mã số mẫu/ Sample Code
BN18081489
MM18085183

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

BMNM 02/3 – LBH 03
Ngày/Date : 06/09/2018

Tên khách hàng/ Customer : CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM SANTA
Địa chỉ/ Address : KHU CÔNG NGHIỆP MINH ĐỨC - XÃ MINH ĐỨC - HUYỆN MỸ HẠO - TỈNH HƯNG YÊN
Tên mẫu/ Name of sample : MERRY_BÁNH QUY BƠ
Số lượng/ Quantity : 1
Tình trạng mẫu/ Sample description : Mẫu đựng trong bao nylon hàn kín.
Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 27/08/2018
Ngày hẹn trả KH/ Date of issue : 04/09/2018

STT/ No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Đơn vị tính/ Unit	Kết quả/ Result	Phương pháp/ Test method
1	Aflatoxin B ₁	µg/kg	Không phát hiện, MDL = 0,1	CASE.SK.0018 (HPLC) (*)
2	Aflatoxin B ₁ , B ₂ , G ₁ , G ₂	µg/kg	Aflatoxin B ₁ : Không phát hiện, MDL = 0,1 Aflatoxin B ₂ : Không phát hiện, MDL = 0,1 Aflatoxin G ₁ : Không phát hiện, MDL = 0,1 Aflatoxin G ₂ : Không phát hiện, MDL = 0,1	CASE.SK.0018 (HPLC) (*)
3	Deoxynivalenon (DON)	µg/kg	Không phát hiện MDL=200	CASE.SK.0070 (LC/MS/MS-REF- Agilent. Application Note 00394) (*)
4	Ochratoxin A	µg/kg	Không phát hiện MDL = 0,1	CASE.SK.0069 (HPLC)

1/Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu khách hàng/ Information of sample is written as customer's request.

2/Không được sao chép kết quả này, 1 phần hay toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám Đốc Trung Tâm Dịch Vụ Phân Tích Thí Nghiệm TP.HCM

This above result shall not reproduced, partly or fully, unless written approval of Director of CASE

3/Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/ This testing result is only valid on tested sample.

TRỤ SỞ CHÍNH
(V) 02 Nguyễn Văn Thủ, P. Đa Kao, Q. 1, TP. HCM
(T) 18001105
(S) (84.28) 3911 7216
(E) casehcm@case.vn

CN CẦN THƠ
(V) F2.67 - F2.68, Đường số 6, KDC 596, P. Phú Thứ, Cái Răng, Cần Thơ
(T) (84.292) 3918216 - 217 - 218
(S) (84.292) 3918219
(E) support@case.com.vn

VP ĐẠI DIỆN MIỀN TRUNG
(V) STH2718, Đường 8E, KĐT Lê Hồng Phong II, P. Phước Hải, Nha Trang, Khánh Hòa
(T) (84.258) 246 5255
(S) (84.258) 246 5355
(E) vanphongmienntrung@case.vn

STT/ No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Đơn vị tính/ Unit	Kết quả/ Result	Phương pháp/ Test method
5	Zearalenone	µg/kg	Không phát hiện MDL=5	CASE.SK.0070 - LC/MS/MS - Ref. Agilent Application Note 00394

(*) Phương pháp được VILAS công nhận / Method is accredited by VILAS

(**) Kết quả được thực hiện bởi nhà thầu phụ / Subcontracted test.

MDL - Ngưỡng phát hiện của phương pháp / Method Detection Limit.

Phụ trách phòng thử nghiệm/
Officer in charge of laboratory

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Ngày: 05-10-2018

Số chứng thực: 0658 Quyển số: 03 SCT/BS

Th.S. Nguyễn Thành Duy

TL.GIÁM ĐỐC/ PP.DIRECTOR
TRƯỞNG PHÒNG/ HEAD OF DIVISION



Trưởng Huỳnh Anh Vũ



CÔNG CHỨNG VIÊN
Nguyễn Tiến Vinh

1/ Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu khách hàng/ Information of sample is written as customer's request.

2/ Không được sao chép kết quả này, 1 phần hay toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám Đốc Trung Tâm Dịch Vụ Phân Tích Thí Nghiệm TP HCM

3/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/ This testing result is only valid on tested sample.

RU SỞ CHÍNH

102 Nguyễn Văn Thủ P. Đa Kao Q. 1 TP HCM
18001105

(84 28) 3911 7216
casehcm@case.vn

CN CẦN THƠ

F267-F268, Đường số 6, KDC 586, P. Phú Thứ, Cái Răng, Cần Thơ
(84 292) 3918216 - 217 - 218

(84 292) 3918219
support@case.com.vn

VP ĐẠI DIỆN MIỀN TRUNG

5TH270, Đường 8E, KĐT Lê Hồng Phong II, Phường Hải, Nhà Trang, Khánh Hòa
(84 258) 246 5255

(84 258) 246 5355
vanphongmienntrung@case.vn



SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TP. HỒ CHÍ MINH

TRUNG TÂM DỊCH VỤ PHÂN TÍCH THÍ NGHIỆM TP. HỒ CHÍ MINH

CENTER OF ANALYTICAL SERVICES AND EXPERIMENTATION HCMC

BẢN SAO
COPY

Mã số mẫu/ Sample Code
BN18081489
MM18085183

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

BMNM 02/3 – LBH 03
Ngày/Date : 06/09/2018

Tên khách hàng/ Customer : CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM SANTA
Địa chỉ/ Address : KHU CÔNG NGHIỆP MINH ĐỨC - XÃ MINH ĐỨC - HUYỆN MỸ HẠO - TỈNH HUNG YÊN
Tên mẫu/ Name of sample : MERRY_BÁNH QUY BƠ
Số lượng/ Quantity : 1
Tình trạng mẫu/ Sample description : Mẫu đựng trong bao nylon hàn kín.
Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 27/08/2018
Ngày hẹn trả KH/ Date of issue : 04/09/2018

STT/ No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Đơn vị tính/ Unit	Kết quả/ Result	Phương pháp/ Test method
1	Sodium	mg/100g	51 (%DV=2)	CASE.TN.0017 (Ref. AOAC 985.35)
2	Calories	kcal/100g	527	CASE.NS.0079 (Ref. Food and Drugs Administration)
3	Dietary Fiber	g/100g	3,25 (%DV = 13)	CASE.NS.0030 (Ref. AOAC 991.43) (*)
4	Protein	g/100g	5,96 (Nito tổng số x 6,25)	CASE.NS.0039 (Ref. AOAC 992.23) (*)
5	Total carbohydrate	g/100g	63,5 (%DV = 21,2)	CASE.NS.0079 (Ref. Food and Drugs Administration)
6	Total fat	g/100g	27,7 (%DV = 42,6)	CASE.NS. 0031 (Ref. FAO 14/7 p.214, 1986) (*)

1/Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu khách hàng/ Information of sample is written as customer's request.

2/ Không được sao chép kết quả này, 1 phần hay toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám Đốc Trung Tâm Dịch Vụ Phân Tích Thí Nghiệm TP.HCM

This above result shall not reproduced, partly or fully, unless written approval of Director of CASE

3/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/ This testing result is only valid on tested sample

TRỤ SỞ CHÍNH
[9] 02 Nguyễn Văn Thủ, P. Đa Kao, Q.1, TP. HCM
[☎] 18001105
[☎] (84.28) 3911 7216
[✉] casehcm@case.vn

CN CẦN THƠ
[9] F2.67 - F2.68, Đường số 6, KDC 586, P. Phú Thứ, Cái Răng, Cần Thơ
[☎] (84.292) 3918216 - 217 - 218
[☎] (84.292) 3918219
[✉] support@case.com.vn

VP ĐẠI DIỆN MIỀN TRUNG
[9] STH2718, Đường 8E, KĐT Lê Hồng Phong II, P. Phước Hải, Nha Trang, Khánh H
[☎] (84.258) 246 5255
[☎] (84.258) 246 5355
[✉] vanphongmien trung@case.vn

STT/ No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Đơn vị tính/ Unit	Kết quả/ Result	Phương pháp/ Test method
7	Total sugars	g/100g	24,5	CASE.NS.0066 (TCVN 4594:1988)
8	Cholesterol	mg/100g	10,4 (%DV=3,5)	CASE.SK.0012- GC/FID (Ref.AOAC 994.10) (*)
9	Saturated fat	g/100g	14,3 (%DV=71,4)	CASE.SK.0107 - GC/FID(*)
10	Trans fat	g/100g	0,11	CASE.NC.0009

(*) Phương pháp được VILAS công nhận / Method is accredited by VILAS

(**) Kết quả được thực hiện bởi nhà thầu phụ / Subcontracted test

Phụ trách phòng thử nghiệm/
Officer in charge of laboratory

Ngày: 05-10-2018

Quyển số: 1065803 SCT/BS

TL.GIÁM ĐỐC/ PP.DIRECTOR
TRƯỞNG PHÒNG/ HEAD OF DIVISION



Trương Huỳnh Anh Vũ

Th.S. Nguyễn Thành Duy



CÔNG CHỨNG VIÊN
Nguyễn Liên Vinh

1/ Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu khách hàng / Information of sample is written as customer's request.

2/ Không được sao chép kết quả này, 1 phần hay toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám Đốc Trung Tâm Dịch Vụ Phân Tích Thử Nghiệm TP HCM

3/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử / This testing result is only valid on tested sample

RU SỞ CHÍNH

02 Nguyễn Văn Thủ, P. Đa Kao, Q. 1, TP. HCM

18001105

(84 28) 3911 7216

casehcm@case.vn

CN CẦN THƠ

F267-F268, Đường số 6, KDC S96, P. Phú Thứ, Cái Răng, Cần Thơ

(84 292) 3918216 - 217 - 218

(84 292) 3918219

support@case.com.vn

VP ĐẠI DIỆN MIỀN TRUNG

STH2718, Đường 8E, KĐT Lê Hồng Phong II, P. Phước Hải, Nha Trang, Khánh Hòa

(84 258) 246 5255

(84 258) 246 5355





SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TP. HỒ CHÍ MINH

TRUNG TÂM DỊCH VỤ PHÂN TÍCH THÍ NGHIỆM TP. HỒ CHÍ MINH

CENTER OF ANALYTICAL SERVICES AND EXPERIMENTATION HCMC

BẢN SAO
COPY

Mã số mẫu/ Sample Code BN18081489 MM18085183	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	BMNM 02/3 – LBH 03 Ngày/Date : 06/09/2018
--	---	--

Tên khách hàng/ Customer : CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM SANTA
 Địa chỉ/ Address : KHU CÔNG NGHIỆP MINH ĐỨC - XÃ MINH ĐỨC - HUYỆN MỸ HẠO - TỈNH HUNG YÊN
 Tên mẫu/ Name of sample : MERRY_BÁNH QUY BƠ
 Số lượng/ Quantity : 1
 Tình trạng mẫu/ Sample description : Mẫu đựng trong bao nylon hàn kín.
 Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 27/08/2018
 Ngày hẹn trả KH/ Date of issue : 04/09/2018

CHUNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Ngày: 05-10-2018

Phụ trách phòng thử nghiệm/
Officer in charge of laboratoryTL.GIÁM ĐỐC/ PP.DIRECTOR
TRƯỞNG PHÒNG/ HEAD OF DIVISION

Số chứng thực: 0658... Quyển số: 3... SCT/BS

Th.S. Nguyễn Thành Duy



Trưởng Huỳnh Anh Vũ

CÔNG CHỨNG VIÊN
Nguyễn Tiến Vinh

1/ Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu khách hàng/ Information of sample is written as customer's request.

2/ Không được sao chép kết quả này, 1 phần hay toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám Đốc Trung Tâm Dịch Vụ Phân Tích Thí Nghiệm TP.HCM
This above result shall not reproduced, partly or fully, unless written approval of Director of CASE.

3/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/ This testing result is only valid on tested sample.

TRỤ SỞ CHÍNH
 (9) 02 Nguyễn Văn Thủ, P. Đa Kao, Q. 1, TP. HCM
 (T) 18001105
 (S) (84.28) 3911 7216
 (E) casehcm@case.vn

CN CÁN THỜ
 (9) F2.67 - F2.68, Đường số 6, KDC 586, P. Phú Thứ, Cái Răng, Cần Thơ
 (T) (84.292) 3918216 - 217 - 218
 (S) (84.292) 3918219
 (E) support@case.com.vn

VP ĐẠI DIỆN MIỀN TRUNG
 (9) STH2718, Đường SE, KĐT Lê Hồng Phong II, P. Phước Hải, Nha Trang, Khánh Hòa
 (T) (84.258) 246 5255
 (S) (84.258) 246 5355
 (E) vanphongmien trung@case.vn

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM/ ANALYTICAL RESULTS

P 2/2 - MM18085183

Mã số mẫu/ Sample Code : MM18085183



Nutrition Facts

Serving Size 100g

Servings Per Container

Amount Per Serving

Calories 527 Calories from Fat /

% Daily Value *

Total Fat: 27,7 g 42,6%

Saturated Fat : 14,3 g 71,4%

Trans Fat : 0,11 g

Cholesterol: 10,4 mg 3,5%

Sodium: 51 mg 2%

Total Carbohydrate: 63,5 g 21,2%

Dietary Fiber : 3,25 g 13%

Sugars : 24,5 g

Protein: 5,96 g

Vitamin A : /

Vitamin C : /

Calcium : /

Iron : /

* Percent Daily Values are based on a 2,000 calorie diet. Your daily values may be higher or lower depending on your calorie needs:

	Calories	2,000	2,500
Total Fat	Less than	65g	80g
Sat Fat	Less than	20g	25g
Cholesterol	Less than	300mg	300mg
Sodium	Less than	2400mg	2400mg
Total Carbohydrate		300g	375g
Fiber		25g	30g

CASE.NS.0079 (Ref. Food and Drugs Administration)

CASE.NS. 0031 (Ref. FAO 14/7 p.214, 1986) (*)

CASE.SK.0107 - GC/FID(*)

CASE.NC.0009

CASE.SK.0012-GC/FID (Ref.AOAC 994.10) (*)

CASE.TN.0017 (Ref. AOAC 985.35)

CASE.NS.0079 (Ref. Food and Drugs Administration)

CASE.NS.0030 (Ref. AOAC 991.43) (*)

CASE.NS.0066 (TCVN 4594:1988)

CASE.NS.0039 (Ref. AOAC 992.23) (*)

(*) Phương pháp được VILAS công nhận / Method is accredited by VILAS
 (**) Kết quả được thực hiện bởi nhà thầu phụ / Subcontracted test.

1/ Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu khách hàng / Information of sample is written as customer's request.

2/ Không được sao chép kết quả này, 1 phần hay toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám Đốc Trung Tâm Dịch Vụ Phân Tích Thí Nghiệm TP HCM
 This above result shall not reproduced, partly or fully, unless written approval of Director of CASE.

3/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử / This testing result is only valid on tested sample

SỐ CHỈNH
 02 Nguyễn Văn Thủ, P. Đa Kao, Q. 1, TP. HCM
 18001105
 (84 29) 3911 7216
 casehcm@case.vn

CN CẦN THƠ
 P. 267 - F268, Đường số 6, KDC 596, P. Phú Thứ, Cái Răng, Cần Thơ
 (84 292) 3918216 - 217 - 218
 (84 292) 3918219
 support@case.com.vn

VP ĐẠI DIỆN MIỀN TRUNG
 STH2718, Đường 8E, KĐT Lê Hồng Phong II, P. Phước Hải, Nha Trang, Khánh Hòa
 (84 258) 246 5255
 (84 258) 246 5355
 vanhongme





Mặt hộp



Thiết kế đường viền tròn nắp hộp thiếc



